

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 859/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 22/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

Ngày thi: 03, 04/12/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT2477	Giáp Duy An	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG012138	CNTT/22/2522	Đạt	
2	CNTT2478	Hoàng Quốc An	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG012139	CNTT/22/2523	Đạt	
3	CNTT2479	Nguyễn Đức An	19/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG012140	CNTT/22/2524	Đạt	
4	CNTT2480	Nguyễn Đức Phương An	17/03/2005	Đồng Nai	Nam	6,2	5,5	DBG012141	CNTT/22/2525	Đạt	
5	CNTT2481	Nguyễn Quang An	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG012142	CNTT/22/2526	Đạt	
6	CNTT2482	Trịnh Đức An	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012143	CNTT/22/2527	Đạt	
7	CNTT2483	Đỗ Đức Anh	25/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012144	CNTT/22/2528	Đạt	
8	CNTT2484	Giáp Thị Hoàng Anh	26/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012145	CNTT/22/2529	Đạt	
9	CNTT2485	Hoàng Hải Anh	16/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012146	CNTT/22/2530	Đạt	
10	CNTT2486	Hoàng Tuấn Anh	20/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012147	CNTT/22/2531	Đạt	
11	CNTT2487	Hoàng Tuấn Anh	06/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012148	CNTT/22/2532	Đạt	
12	CNTT2488	Ngô Hồng Anh	03/08/2002	Bắc Giang	Nam	6,5	8,0	DBG012149	CNTT/22/2533	Đạt	
13	CNTT2489	Nguyễn Đức Anh	03/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG012150	CNTT/22/2534	Đạt	
14	CNTT2490	Nguyễn Duy Anh	05/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012151	CNTT/22/2535	Đạt	
15	CNTT2491	Nguyễn Hà Anh	13/10/2004	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012152	CNTT/22/2536	Đạt	
16	CNTT2492	Nguyễn Hoàng Anh	21/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012153	CNTT/22/2537	Đạt	
17	CNTT2493	Nguyễn Mai Anh	02/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012154	CNTT/22/2538	Đạt	
18	CNTT2494	Nguyễn Thị Lan Anh	03/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012155	CNTT/22/2539	Đạt	
19	CNTT2495	Nguyễn Thị Mai Anh	09/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG012156	CNTT/22/2540	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
20	CNTT2496	Nguyễn Thị Vân Anh	17/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012157	CNTT/22/2541	Đạt	
21	CNTT2497	Nguyễn Tuấn Anh	05/10/2003	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012158	CNTT/22/2542	Đạt	
22	CNTT2498	Nguyễn Tuấn Anh	14/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012159	CNTT/22/2543	Đạt	
23	CNTT2499	Phạm Minh Anh	12/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012160	CNTT/22/2544	Đạt	
24	CNTT2500	Phùng Thế Anh	29/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012161	CNTT/22/2545	Đạt	
25	CNTT2501	Tổng Hồng Anh	08/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	8,0	DBG012162	CNTT/22/2546	Đạt	
26	CNTT2502	Trần Phương Anh	19/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG012163	CNTT/22/2547	Đạt	
27	CNTT2503	Trịnh Tuấn Anh	17/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012164	CNTT/22/2548	Đạt	
28	CNTT2504	Vũ Thị Kim Anh	02/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012165	CNTT/22/2549	Đạt	
29	CNTT2505	Vũ Tuấn Anh	16/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG012166	CNTT/22/2550	Đạt	
30	CNTT2506	Hà Thị Ngọc Ánh	28/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012167	CNTT/22/2551	Đạt	
31	CNTT2507	Lê Ngọc Ánh	16/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	7,0	6,0	DBG012168	CNTT/22/2552	Đạt	
32	CNTT2508	Dương Công Bảo	04/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012169	CNTT/22/2553	Đạt	
33	CNTT2509	Trần Quốc Bảo	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG012170	CNTT/22/2554	Đạt	
34	CNTT2510	Ngô Văn Bắc	10/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG012171	CNTT/22/2555	Đạt	
35	CNTT2511	Nguyễn Văn Bắc	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG012172	CNTT/22/2556	Đạt	
36	CNTT2512	Nguyễn Viết Bắc	03/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012173	CNTT/22/2557	Đạt	
37	CNTT2513	Bùi Thị Ngọc Bích	03/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG012174	CNTT/22/2558	Đạt	
38	CNTT2514	Nguyễn Thị Ngọc Bích	18/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG012175	CNTT/22/2559	Đạt	
39	CNTT2515	Phan Thị Ngọc Bích	30/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	5,5	DBG012176	CNTT/22/2560	Đạt	
40	CNTT2516	Dương Thanh Bình	11/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012177	CNTT/22/2561	Đạt	
41	CNTT2517	Giáp Văn Thái Bình	06/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG012178	CNTT/22/2562	Đạt	
42	CNTT2518	Nguyễn Văn Bình	05/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012179	CNTT/22/2563	Đạt	
43	CNTT2519	Trần Đức Bình	14/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012180	CNTT/22/2564	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
44	CNTT2521	Hoàng Xuân	Bộ	30/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012181	CNTT/22/2565	Đạt	
45	CNTT2522	Chu Trường	Cao	22/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012182	CNTT/22/2566	Đạt	
46	CNTT2523	Đàm Thị	Chắt	07/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG012183	CNTT/22/2567	Đạt	
47	CNTT2524	Hoàng Kim	Chi	12/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG012184	CNTT/22/2568	Đạt	
48	CNTT2525	Nguyễn Mai	Chi	27/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012185	CNTT/22/2569	Đạt	
49	CNTT2526	Nguyễn Ninh	Chi	29/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012186	CNTT/22/2570	Đạt	
50	CNTT2527	Nguyễn Thị	Chiêm	14/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012187	CNTT/22/2571	Đạt	
51	CNTT2528	Dương Văn	Chiến	21/11/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012188	CNTT/22/2572	Đạt	
52	CNTT2529	Hoàng Văn	Chiến	27/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG012189	CNTT/22/2573	Đạt	
53	CNTT2530	Lương Xuân	Chiến	26/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG012190	CNTT/22/2574	Đạt	
54	CNTT2531	Nguyễn Mạnh	Chiến	01/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012191	CNTT/22/2575	Đạt	
55	CNTT2532	Nguyễn Quang	Chiến	15/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012192	CNTT/22/2576	Đạt	
56	CNTT2533	Nguyễn Xuân	Chiến	24/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012193	CNTT/22/2577	Đạt	
57	CNTT2534	Bùi Hữu	Chính	07/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012194	CNTT/22/2578	Đạt	
58	CNTT2535	Nguyễn Đình	Chương	29/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012195	CNTT/22/2579	Đạt	
59	CNTT2536	Trần Văn	Chương	20/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012196	CNTT/22/2580	Đạt	
60	CNTT2537	Giáp Minh	Công	12/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012197	CNTT/22/2581	Đạt	
61	CNTT2538	Giáp Văn	Công	24/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG012198	CNTT/22/2582	Đạt	
62	CNTT2539	Nguyễn Chí	Công	21/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012199	CNTT/22/2583	Đạt	
63	CNTT2540	Nguyễn Chí	Công	29/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012200	CNTT/22/2584	Đạt	
64	CNTT2541	Nguyễn Đức	Công	09/11/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012201	CNTT/22/2585	Đạt	
65	CNTT2542	Nguyễn Minh	Công	24/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012202	CNTT/22/2586	Đạt	
66	CNTT2543	Nguyễn Văn	Công	29/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG012203	CNTT/22/2587	Đạt	
67	CNTT2544	Nguyễn Văn	Công	25/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG012204	CNTT/22/2588	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
68	CNTT2545	Nguy Văn	Cường	26/06/2005	Bắc Giang	Nam	5,7	6,5	DBG012205	CNTT/22/2589	Đạt	
69	CNTT2546	Nguyễn Mạnh	Cường	08/06/2005	Thái Bình	Nam	6,0	5,5	DBG012206	CNTT/22/2590	Đạt	
70	CNTT2547	Nguyễn Quốc	Cường	02/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012207	CNTT/22/2591	Đạt	
71	CNTT2548	Phan Văn	Cường	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012208	CNTT/22/2592	Đạt	
72	CNTT2549	Ngô Thị Kim	Dung	02/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012209	CNTT/22/2593	Đạt	
73	CNTT2550	Chu Văn	Dũng	30/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG012210	CNTT/22/2594	Đạt	
74	CNTT2551	Giáp Mạnh	Dũng	02/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012211	CNTT/22/2595	Đạt	
75	CNTT2552	Nguyễn Hoàng	Dũng	28/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012212	CNTT/22/2596	Đạt	
76	CNTT2553	Nguyễn Tiến	Dũng	10/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012213	CNTT/22/2597	Đạt	
77	CNTT2554	Đỗ Ngọc	Duy	23/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012214	CNTT/22/2598	Đạt	
78	CNTT2555	Lương Mạnh	Duy	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012215	CNTT/22/2599	Đạt	
79	CNTT2556	Nguyễn Khương	Duy	09/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG012216	CNTT/22/2600	Đạt	
80	CNTT2557	Nguyễn Văn	Duy	29/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012217	CNTT/22/2601	Đạt	
81	CNTT2558	Bùi Thị Lệ	Duyên	01/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012218	CNTT/22/2602	Đạt	
82	CNTT2559	Lương Thị Hải	Duyên	06/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012219	CNTT/22/2603	Đạt	
83	CNTT2560	Nguyễn Thuỳ	Duyên	16/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,0	DBG012220	CNTT/22/2604	Đạt	
84	CNTT2561	Thân Thị	Duyên	10/07/2004	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012221	CNTT/22/2605	Đạt	
85	CNTT2562	Hà Quang	Dương	15/04/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012222	CNTT/22/2606	Đạt	
86	CNTT2563	Hà Vĩnh	Dương	19/11/2003	Vĩnh Phúc	Nam	6,2	7,0	DBG012223	CNTT/22/2607	Đạt	
87	CNTT2564	Lương Quang	Dương	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012224	CNTT/22/2608	Đạt	
88	CNTT2565	Nguyễn Ngọc	Dương	30/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012225	CNTT/22/2609	Đạt	
89	CNTT2566	Nguyễn Ngọc	Dương	25/11/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG012226	CNTT/22/2610	Đạt	
90	CNTT2567	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	31/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG012227	CNTT/22/2611	Đạt	
91	CNTT2568	Nguyễn Văn	Dương	05/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012228	CNTT/22/2612	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
92	CNTT2569	Thân Bình	Dương	15/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012229	CNTT/22/2613	Đạt	
93	CNTT2570	Thân Hoàng	Dương	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,0	DBG012230	CNTT/22/2614	Đạt	
94	CNTT2571	Từ Tùng	Dương	29/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012231	CNTT/22/2615	Đạt	
95	CNTT2572	Bạch Thị Linh	Đan	01/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012232	CNTT/22/2616	Đạt	
96	CNTT2573	Đoàn Văn	Đảng	02/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	7,0	DBG012233	CNTT/22/2617	Đạt	
97	CNTT2574	Đỗ Trảng	Đạt	22/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012234	CNTT/22/2618	Đạt	
98	CNTT2575	Đỗ Tuấn	Đạt	16/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012235	CNTT/22/2619	Đạt	
99	CNTT2576	Đỗ Tuấn	Đạt	17/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012236	CNTT/22/2620	Đạt	
100	CNTT2577	Dương Nguyên	Đạt	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	DBG012237	CNTT/22/2621	Đạt	
101	CNTT2578	Giáp Thành	Đạt	16/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,5	DBG012238	CNTT/22/2622	Đạt	
102	CNTT2579	Giáp Văn	Đạt	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012239	CNTT/22/2623	Đạt	
103	CNTT2580	Hoàng Văn	Đạt	22/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012240	CNTT/22/2624	Đạt	
104	CNTT2581	Nguyễn Tiến	Đạt	08/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012241	CNTT/22/2625	Đạt	
105	CNTT2582	Nguyễn Văn	Đạt	10/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG012242	CNTT/22/2626	Đạt	
106	CNTT2583	Đỗ Hải	Đảng	23/10/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	5,5	DBG012243	CNTT/22/2627	Đạt	
107	CNTT2584	Dương Văn	Đảng	18/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012244	CNTT/22/2628	Đạt	
108	CNTT2585	Nguyễn Tiến	Đảng	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012245	CNTT/22/2629	Đạt	
109	CNTT2586	Phan Hải	Đảng	04/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012246	CNTT/22/2630	Đạt	
110	CNTT2587	Trương Đình	Điệp	22/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012247	CNTT/22/2631	Đạt	
111	CNTT2588	Hoàng Văn	Đoàn	22/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG012248	CNTT/22/2632	Đạt	
112	CNTT2589	Nguyễn Công	Đoàn	15/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012249	CNTT/22/2633	Đạt	
113	CNTT2590	Nguyễn Luân	Đôn	28/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012250	CNTT/22/2634	Đạt	
114	CNTT2591	Đỗ Đức	Đông	24/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012251	CNTT/22/2635	Đạt	
115	CNTT2592	Nguyễn Sỹ	Đông	03/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012252	CNTT/22/2636	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
116	CNTT2593	Lê Ngọc Đồng	21/10/2004	Hưng Yên	Nam	6,5	6,5	DBG012253	CNTT/22/2637	Đạt	
117	CNTT2594	Dương Minh Việt Đức	26/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012254	CNTT/22/2638	Đạt	
118	CNTT2595	Nguyễn Minh Đức	27/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012255	CNTT/22/2639	Đạt	
119	CNTT2596	Nguyễn Quang Đức	15/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012256	CNTT/22/2640	Đạt	
120	CNTT2597	Nguyễn Trung Đức	23/09/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	DBG012257	CNTT/22/2641	Đạt	
121	CNTT2598	Nguyễn Văn Đức	12/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	DBG012258	CNTT/22/2642	Đạt	
122	CNTT2599	Nhâm Minh Đức	27/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG012259	CNTT/22/2643	Đạt	
123	CNTT2600	Vũ Thanh Đức	25/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012260	CNTT/22/2644	Đạt	
124	CNTT2601	Vũ Tài Em	17/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012261	CNTT/22/2645	Đạt	
125	CNTT2602	Hà Văn Giang	30/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012262	CNTT/22/2646	Đạt	
126	CNTT2603	Nguyễn Văn Giang	08/04/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012263	CNTT/22/2647	Đạt	
127	CNTT2604	Phí Đức Giang	29/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012264	CNTT/22/2648	Đạt	
128	CNTT2605	Phùng Trường Giang	25/10/2004	Bắc Giang	Nam	7,7	5,0	DBG012265	CNTT/22/2649	Đạt	
129	CNTT2606	Trần Thị Giang	29/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,5	DBG012266	CNTT/22/2650	Đạt	
130	CNTT2607	Lê Ngọc Hà	01/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012267	CNTT/22/2651	Đạt	
131	CNTT2608	Nguyễn Đoàn Việt Hà	16/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012268	CNTT/22/2652	Đạt	
132	CNTT2609	Nguyễn Ngọc Hà	25/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG012269	CNTT/22/2653	Đạt	
133	CNTT2610	Nguyễn Ngọc Hà	03/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012270	CNTT/22/2654	Đạt	
134	CNTT2611	Nguyễn Thị Hà	31/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012271	CNTT/22/2655	Đạt	
135	CNTT2612	Nguyễn Thị Hà	30/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG012272	CNTT/22/2656	Đạt	
136	CNTT2613	Nguyễn Thị Phương Hà	24/03/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG012273	CNTT/22/2657	Đạt	
137	CNTT2614	Nguyễn Thị Thu Hà	09/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG012274	CNTT/22/2658	Đạt	
138	CNTT2615	Nguyễn Thị Hạ	30/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012275	CNTT/22/2659	Đạt	
139	CNTT2616	Đỗ Văn Hải	27/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012276	CNTT/22/2660	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT2617	Đoàn Ngọc Hải	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012277	CNTT/22/2661	Đạt	
141	CNTT2618	Nguyễn Đức Hải	09/05/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012278	CNTT/22/2662	Đạt	
142	CNTT2619	Nguyễn Minh Hải	31/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012279	CNTT/22/2663	Đạt	
143	CNTT2620	Nguyễn Văn Hải	06/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG012280	CNTT/22/2664	Đạt	
144	CNTT2621	Nguyễn Văn Hải	28/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG012281	CNTT/22/2665	Đạt	
145	CNTT2622	Nguyễn Văn Hải	12/02/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012282	CNTT/22/2666	Đạt	
146	CNTT2623	Phạm Ngọc Hải	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG012283	CNTT/22/2667	Đạt	
147	CNTT2624	Thân Ngọc Hải	22/01/2005	Bắc Giang	Nam	8,2	6,5	DBG012284	CNTT/22/2668	Đạt	
148	CNTT2625	Trần Văn Hoàng Hải	12/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012285	CNTT/22/2669	Đạt	
149	CNTT2626	Giáp Thị Hồng Hạnh	18/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012286	CNTT/22/2670	Đạt	
150	CNTT2627	Hà Thị Hạnh	08/11/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,5	DBG012287	CNTT/22/2671	Đạt	
151	CNTT2628	Ngô Xuân Hạnh	04/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	7,5	DBG012288	CNTT/22/2672	Đạt	
152	CNTT2629	Nguyễn Duy Hào	17/11/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012289	CNTT/22/2673	Đạt	
153	CNTT2630	Đặng Thị Hằng	14/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG012290	CNTT/22/2674	Đạt	
154	CNTT2631	Nguyễn Thị Hằng	21/01/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,0	DBG012291	CNTT/22/2675	Đạt	
155	CNTT2632	Nguyễn Thị Hằng	20/01/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	5,0	DBG012292	CNTT/22/2676	Đạt	
156	CNTT2633	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/02/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG012293	CNTT/22/2677	Đạt	
157	CNTT2634	Trần Lê Hằng	05/11/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	5,0	DBG012294	CNTT/22/2678	Đạt	
158	CNTT2635	Phạm Văn Hậu	28/05/2005	Bắc Giang	Nam	8,5	6,0	DBG012295	CNTT/22/2679	Đạt	
159	CNTT2636	Lê Thị Hiền	23/10/2005	Bắc Giang	Nữ	8,5	7,0	DBG012296	CNTT/22/2680	Đạt	
160	CNTT2637	Nguyễn Thị Hiền	03/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG012297	CNTT/22/2681	Đạt	
161	CNTT2638	Nguyễn Thị Hiền	04/11/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	5,5	DBG012298	CNTT/22/2682	Đạt	
162	CNTT2639	Nguyễn Thị Thu Hiền	26/02/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,5	DBG012299	CNTT/22/2683	Đạt	
163	CNTT2640	Bùi Quang Hiệp	09/06/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,0	DBG012300	CNTT/22/2684	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
164	CNTT2641	Hà Văn Hiệp	06/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012301	CNTT/22/2685	Đạt	
165	CNTT2642	Ngô Văn Hiệp	14/10/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012302	CNTT/22/2686	Đạt	
166	CNTT2643	Nguyễn Đình Hiệp	14/02/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,0	DBG012303	CNTT/22/2687	Đạt	
167	CNTT2644	Nguyễn Văn Hiệp	29/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012304	CNTT/22/2688	Đạt	
168	CNTT2645	Đặng Trần Hiếu	15/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012305	CNTT/22/2689	Đạt	
169	CNTT2646	Đoàn Vi Gia Hiếu	15/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012306	CNTT/22/2690	Đạt	
170	CNTT2647	Dương Đức Hiếu	23/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012307	CNTT/22/2691	Đạt	
171	CNTT2648	Giáp Văn Hiếu	22/04/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012308	CNTT/22/2692	Đạt	
172	CNTT2649	Hà Văn Hiếu	17/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG012309	CNTT/22/2693	Đạt	
173	CNTT2650	Hoàng Văn Hiếu	12/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012310	CNTT/22/2694	Đạt	
174	CNTT2651	Lê Văn Hiếu	10/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	DBG012311	CNTT/22/2695	Đạt	
175	CNTT2652	Ngô Văn Hiếu	25/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012312	CNTT/22/2696	Đạt	
176	CNTT2654	Nguyễn Duy Hiếu	24/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012313	CNTT/22/2697	Đạt	
177	CNTT2655	Nguyễn Trọng Hiếu	18/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	7,5	DBG012314	CNTT/22/2698	Đạt	
178	CNTT2656	Nguyễn Văn Hiếu	07/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012315	CNTT/22/2699	Đạt	
179	CNTT2657	Thân Trung Hiếu	09/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012316	CNTT/22/2700	Đạt	
180	CNTT2658	Trương Văn Hiếu	21/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012317	CNTT/22/2701	Đạt	
181	CNTT2659	Vũ Xuân Hiếu	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012318	CNTT/22/2702	Đạt	
182	CNTT2660	Nguyễn Huy Hiếu	05/01/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	5,5	DBG012319	CNTT/22/2703	Đạt	
183	CNTT2661	Hà Thị Hoa	14/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012320	CNTT/22/2704	Đạt	
184	CNTT2662	Nguyễn Thị Thanh Hoa	01/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG012321	CNTT/22/2705	Đạt	
185	CNTT2663	Vũ Quỳnh Hoa	04/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG012322	CNTT/22/2706	Đạt	
186	CNTT2664	Trương Thị Hoài	25/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG012323	CNTT/22/2707	Đạt	
187	CNTT2665	Đỗ Việt Hoàng	07/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012324	CNTT/22/2708	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
188	CNTT2666	Lê Huy	Hoàng	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012325	CNTT/22/2709	Đạt	
189	CNTT2667	Mã Phúc	Hoàng	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG012326	CNTT/22/2710	Đạt	
190	CNTT2668	Ngô Duy	Hoàng	17/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012327	CNTT/22/2711	Đạt	
191	CNTT2669	Trần Văn	Học	12/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012328	CNTT/22/2712	Đạt	
192	CNTT2670	Nguyễn Văn	Hồi	04/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012329	CNTT/22/2713	Đạt	
193	CNTT2671	Dương Thị	Hồng	10/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG012330	CNTT/22/2714	Đạt	
194	CNTT2672	Hoàng Thị	Hồng	24/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG012331	CNTT/22/2715	Đạt	
195	CNTT2673	Nguyễn Văn	Hồng	12/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012332	CNTT/22/2716	Đạt	
196	CNTT2674	Nguyễn Xuân	Hồng	05/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,5	DBG012333	CNTT/22/2717	Đạt	
197	CNTT2675	Trịnh Hữu	Hồng	21/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012334	CNTT/22/2718	Đạt	
198	CNTT2676	Nguyễn Văn	Hợp	03/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012335	CNTT/22/2719	Đạt	
199	CNTT2677	Trương Văn	Hợp	17/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012336	CNTT/22/2720	Đạt	
200	CNTT2678	Hoàng Thị	Huế	27/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG012337	CNTT/22/2721	Đạt	
201	CNTT2679	Nguyễn Thị	Huệ	29/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012338	CNTT/22/2722	Đạt	
202	CNTT2680	Nguyễn Thị Minh	Huệ	26/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	DBG012339	CNTT/22/2723	Đạt	
203	CNTT2681	Phạm Thị Hồng	Huệ	18/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012340	CNTT/22/2724	Đạt	
204	CNTT2682	Vũ Thị	Huệ	16/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012341	CNTT/22/2725	Đạt	
205	CNTT2683	Đỗ Việt	Hùng	10/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012342	CNTT/22/2726	Đạt	
206	CNTT2684	Giáp Văn	Hùng	11/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012343	CNTT/22/2727	Đạt	
207	CNTT2685	Hà Văn	Hùng	17/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012344	CNTT/22/2728	Đạt	
208	CNTT2686	Nguyễn Đức	Hùng	29/12/2003	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012345	CNTT/22/2729	Đạt	
209	CNTT2687	Vũ Huy	Hùng	17/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012346	CNTT/22/2730	Đạt	
210	CNTT2689	Đào Nhật	Huy	08/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012347	CNTT/22/2731	Đạt	
211	CNTT2690	Giáp Quang	Huy	01/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012348	CNTT/22/2732	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
212	CNTT2691	Hoàng Văn Huy	05/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012349	CNTT/22/2733	Đạt	
213	CNTT2692	Lê Khắc Huy	14/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,5	DBG012350	CNTT/22/2734	Đạt	
214	CNTT2693	Nguyễn Đình Huy	29/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012351	CNTT/22/2735	Đạt	
215	CNTT2694	Nguyễn Ngọc Huy	30/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012352	CNTT/22/2736	Đạt	
216	CNTT2695	Nguyễn Văn Huy	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012353	CNTT/22/2737	Đạt	
217	CNTT2696	Nguyễn Văn Huy	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	DBG012354	CNTT/22/2738	Đạt	
218	CNTT2697	Phạm Văn Huy	12/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012355	CNTT/22/2739	Đạt	
219	CNTT2698	Phùng Ngọc Huy	29/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012356	CNTT/22/2740	Đạt	
220	CNTT2699	Dương Thị Huyền	21/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG012357	CNTT/22/2741	Đạt	
221	CNTT2700	Hoàng Thị Ngọc Huyền	20/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012358	CNTT/22/2742	Đạt	
222	CNTT2701	Nguyễn Thị Huyền	18/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012359	CNTT/22/2743	Đạt	
223	CNTT2702	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/02/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	DBG012360	CNTT/22/2744	Đạt	
224	CNTT2703	Phạm Ngọc Huyền	06/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012361	CNTT/22/2745	Đạt	
225	CNTT2704	Phan Ngọc Huyền	28/03/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,5	DBG012362	CNTT/22/2746	Đạt	
226	CNTT2705	Trần Thị Huyền	21/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012363	CNTT/22/2747	Đạt	
227	CNTT2706	Đỗ Văn Hưng	13/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012364	CNTT/22/2748	Đạt	
228	CNTT2707	Hoàng Mạnh Hưng	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012365	CNTT/22/2749	Đạt	
229	CNTT2708	Nguyễn Văn Hưng	12/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012366	CNTT/22/2750	Đạt	
230	CNTT2709	Phạm Quốc Hưng	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012367	CNTT/22/2751	Đạt	
231	CNTT2710	Phạm Văn Hưng	26/07/1985	Bắc Giang	Nam	8,5	8,5	DBG012368	CNTT/22/2752	Đạt	
232	CNTT2711	Phan Văn Hưng	13/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012369	CNTT/22/2753	Đạt	
233	CNTT2712	Hà Thị Hương	13/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012370	CNTT/22/2754	Đạt	
234	CNTT2713	Hà Thu Hương	22/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG012371	CNTT/22/2755	Đạt	
235	CNTT2714	Hoàng Thu Hương	10/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG012372	CNTT/22/2756	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
236	CNTT2715	Thân Thị Thảo	Hương	17/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG012373	CNTT/22/2757	Đạt	
237	CNTT2716	Tổng Thị	Hương	23/12/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	5,5	DBG012374	CNTT/22/2758	Đạt	
238	CNTT2717	Phạm Thị Thu	Hường	09/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012375	CNTT/22/2759	Đạt	
239	CNTT2718	Nguyễn Ngọc	Hường	09/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012376	CNTT/22/2760	Đạt	
240	CNTT2719	Đào Xuân	Kha	24/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012377	CNTT/22/2761	Đạt	
241	CNTT2720	Phan Văn	Khải	18/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG012378	CNTT/22/2762	Đạt	
242	CNTT2720A	Trần Thế	Khải	16/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012379	CNTT/22/2763	Đạt	
243	CNTT2721	Trần Đức	Khang	14/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012380	CNTT/22/2764	Đạt	
244	CNTT2722	Bùi Huy	Khánh	24/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012381	CNTT/22/2765	Đạt	
245	CNTT2723	Đoàn Văn	Khánh	06/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012382	CNTT/22/2766	Đạt	
246	CNTT2724	Hà Văn	Khánh	02/11/2005	Đắc Lắc	Nam	6,5	6,0	DBG012383	CNTT/22/2767	Đạt	
247	CNTT2725	Hoàng Văn	Khánh	28/11/2005	Bắc Giang	Nam	8,5	6,5	DBG012384	CNTT/22/2768	Đạt	
248	CNTT2726	Hoàng Văn	Khánh	05/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012385	CNTT/22/2769	Đạt	
249	CNTT2727	Nguyễn Văn	Khánh	14/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012386	CNTT/22/2770	Đạt	
250	CNTT2728	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012387	CNTT/22/2771	Đạt	
251	CNTT2729	Nông Văn	Khiêm	08/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012388	CNTT/22/2772	Đạt	
252	CNTT2730	Phạm Văn	Khiêm	21/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012389	CNTT/22/2773	Đạt	
253	CNTT2731	Lê Minh	Khôi	11/09/2005	Bắc Ninh	Nam	6,7	6,5	DBG012390	CNTT/22/2774	Đạt	
254	CNTT2732	Lê Thị	Khuyên	12/12/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG012391	CNTT/22/2775	Đạt	
255	CNTT2733	Hoàng Trung	Kiên	25/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012392	CNTT/22/2776	Đạt	
256	CNTT2734	Nguyễn Trung	Kiên	08/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012393	CNTT/22/2777	Đạt	
257	CNTT2735	Nguyễn Văn	Kiên	05/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012394	CNTT/22/2778	Đạt	
258	CNTT2736	Nguyễn Văn	Kiên	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012395	CNTT/22/2779	Đạt	
259	CNTT2737	Trương Trung	Kiên	02/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012396	CNTT/22/2780	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
260	CNTT2738	Nguyễn Viết Lâm	03/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012397	CNTT/22/2781	Đạt	
261	CNTT2739	Đỗ Thị Lan	11/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG012398	CNTT/22/2782	Đạt	
262	CNTT2740	Hà Thị Lan	15/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG012399	CNTT/22/2783	Đạt	
263	CNTT2741	Lăng Ngọc Lan	29/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG012400	CNTT/22/2784	Đạt	
264	CNTT2742	Nguyễn Thị Lan	05/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	8,0	DBG012401	CNTT/22/2785	Đạt	
265	CNTT2743	Nguyễn Thị Lanh	29/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG012402	CNTT/22/2786	Đạt	
266	CNTT2743A	Lê Ngọc Lâm	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012403	CNTT/22/2787	Đạt	
267	CNTT2744	Hoàng Văn Lê	23/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012404	CNTT/22/2788	Đạt	
268	CNTT2745	Nguyễn Giáp Lịch	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG012405	CNTT/22/2789	Đạt	
269	CNTT2746	Hà Vũ Linh	08/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012406	CNTT/22/2790	Đạt	
270	CNTT2747	Hứa Thị Ngọc Linh	04/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012407	CNTT/22/2791	Đạt	
271	CNTT2748	Ngô Quang Linh	11/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG012408	CNTT/22/2792	Đạt	
272	CNTT2749	Nguyễn Hoàng Linh	23/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012409	CNTT/22/2793	Đạt	
273	CNTT2750	Nguyễn Ngọc Linh	02/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG012410	CNTT/22/2794	Đạt	
274	CNTT2751	Nguyễn Thị Hoài Linh	20/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG012411	CNTT/22/2795	Đạt	
275	CNTT2752	Nguyễn Thuỳ Linh	15/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,0	DBG012412	CNTT/22/2796	Đạt	
276	CNTT2753	Nguyễn Văn Linh	27/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012413	CNTT/22/2797	Đạt	
277	CNTT2754	Tạ Thị Khánh Linh	04/01/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG012414	CNTT/22/2798	Đạt	
278	CNTT2755	Trần Diệu Linh	31/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,5	DBG012415	CNTT/22/2799	Đạt	
279	CNTT2756	Trần Thị Linh	16/04/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG012416	CNTT/22/2800	Đạt	
280	CNTT2757	Dương Quang Long	06/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012417	CNTT/22/2801	Đạt	
281	CNTT2758	Lương Bảo Long	28/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012418	CNTT/22/2802	Đạt	
282	CNTT2759	Nguyễn Quang Long	31/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012419	CNTT/22/2803	Đạt	
283	CNTT2760	Nguyễn Văn Long	03/04/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012420	CNTT/22/2804	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
284	CNTT2761	Chu Tiến Lộc	26/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012421	CNTT/22/2805	Đạt	
285	CNTT2762	Hoàng Văn Lộc	08/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012422	CNTT/22/2806	Đạt	
286	CNTT2763	Nguyễn Thành Lộc	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012423	CNTT/22/2807	Đạt	
287	CNTT2764	Nguyễn Văn Lợi	04/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012424	CNTT/22/2808	Đạt	
288	CNTT2765	Nguyễn Văn Lợi	17/02/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012425	CNTT/22/2809	Đạt	
289	CNTT2766	Hà Thị Luyện	23/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG012426	CNTT/22/2810	Đạt	
290	CNTT2767	Trần Trọng Lương	21/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012427	CNTT/22/2811	Đạt	
291	CNTT2768	Luyện Huy Lưu	19/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG012428	CNTT/22/2812	Đạt	
292	CNTT2769	Đỗ Thị Minh Ly	10/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG012429	CNTT/22/2813	Đạt	
293	CNTT2770	Mai Thị Cẩm Ly	11/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012430	CNTT/22/2814	Đạt	
294	CNTT2771	Nguyễn Thị Ly	03/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG012431	CNTT/22/2815	Đạt	
295	CNTT2772	Nguyễn Thị Hương Ly	07/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012432	CNTT/22/2816	Đạt	
296	CNTT2773	Nguyễn Thị Khánh Ly	20/06/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG012433	CNTT/22/2817	Đạt	
297	CNTT2774	Nguyễn Triệu Ly	09/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	DBG012434	CNTT/22/2818	Đạt	
298	CNTT2775	Vũ Thị Ngọc Ly	14/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012435	CNTT/22/2819	Đạt	
299	CNTT2776	Ngô Thị Lý	19/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG012436	CNTT/22/2820	Đạt	
300	CNTT2777	Dương Thị Thanh Mai	29/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG012437	CNTT/22/2821	Đạt	
301	CNTT2778	Lê Thị Chúc Mai	08/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,0	DBG012438	CNTT/22/2822	Đạt	
302	CNTT2779	Nguyễn Thị Mai	18/12/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	5,5	DBG012439	CNTT/22/2823	Đạt	
303	CNTT2780	Phạm Tuyết Mai	30/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012440	CNTT/22/2824	Đạt	
304	CNTT2781	Cao Đức Mạnh	12/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012441	CNTT/22/2825	Đạt	
305	CNTT2782	Chu Duy Mạnh	01/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012442	CNTT/22/2826	Đạt	
306	CNTT2783	Đỗ Duy Mạnh	29/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012443	CNTT/22/2827	Đạt	
307	CNTT2784	Hà Văn Mạnh	10/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG012444	CNTT/22/2828	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
308	CNTT2785	Hà Văn	Mạnh	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG012445	CNTT/22/2829	Đạt	
309	CNTT2786	Hoàng Văn	Mạnh	28/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012446	CNTT/22/2830	Đạt	
310	CNTT2787	Lê Duy	Mạnh	12/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012447	CNTT/22/2831	Đạt	
311	CNTT2788	Nguyễn Đình	Mạnh	14/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012448	CNTT/22/2832	Đạt	
312	CNTT2789	Nguyễn Văn	Mạnh	10/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012449	CNTT/22/2833	Đạt	
313	CNTT2790	Nguyễn Thị Hồng	Mến	08/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012450	CNTT/22/2834	Đạt	
314	CNTT2791	Cao Ngọc	Minh	16/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012451	CNTT/22/2835	Đạt	
315	CNTT2792	Diệp Văn	Minh	19/04/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012452	CNTT/22/2836	Đạt	
316	CNTT2793	Đỗ Tiến	Minh	27/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	5,5	DBG012453	CNTT/22/2837	Đạt	
317	CNTT2794	Giáp Văn	Minh	27/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,2	5,5	DBG012454	CNTT/22/2838	Đạt	
318	CNTT2795	Lê Hoàng Tuấn	Minh	30/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	8,5	DBG012455	CNTT/22/2839	Đạt	
319	CNTT2796	Nguyễn Thanh	Minh	14/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG012456	CNTT/22/2840	Đạt	
320	CNTT2797	Tạ Đình Tấn	Minh	06/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012457	CNTT/22/2841	Đạt	
321	CNTT2798	Tô Văn	Minh	19/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,0	DBG012458	CNTT/22/2842	Đạt	
322	CNTT2799	Trần Công	Minh	21/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012459	CNTT/22/2843	Đạt	
323	CNTT2800	Ngô Hoài	My	28/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	8,0	DBG012460	CNTT/22/2844	Đạt	
324	CNTT2801	Nguyễn Trà	My	22/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG012461	CNTT/22/2845	Đạt	
325	CNTT2802	Hà Đăng	Nam	17/11/2005	Bắc Giang	Nam	8,5	6,5	DBG012462	CNTT/22/2846	Đạt	
326	CNTT2803	Lô Minh	Nam	29/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012463	CNTT/22/2847	Đạt	
327	CNTT2804	Lý Phương	Nam	28/07/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012464	CNTT/22/2848	Đạt	
328	CNTT2805	Ngô Văn	Nam	10/03/2005	Bắc Giang	Nam	8,2	6,0	DBG012465	CNTT/22/2849	Đạt	
329	CNTT2806	Nguyễn Thành	Nam	27/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012466	CNTT/22/2850	Đạt	
330	CNTT2807	Nông Văn	Nam	05/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012467	CNTT/22/2851	Đạt	
331	CNTT2808	Phạm Quang	Nam	07/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG012468	CNTT/22/2852	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
332	CNTT2809	Vũ Trí Nam	31/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012469	CNTT/22/2853	Đạt	
333	CNTT2810	Chu Thị Nga	16/08/2004	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,0	DBG012470	CNTT/22/2854	Đạt	
334	CNTT2811	Nguyễn Thanh Phươ Nga	21/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	DBG012471	CNTT/22/2855	Đạt	
335	CNTT2812	Nguyễn Thị Nga	23/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG012472	CNTT/22/2856	Đạt	
336	CNTT2813	Nguyễn Thị Thiện Ngân	29/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012473	CNTT/22/2857	Đạt	
337	CNTT2814	Hà Văn Ngọc	02/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012474	CNTT/22/2858	Đạt	
338	CNTT2815	Lương Đại Ngọc	12/05/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012475	CNTT/22/2859	Đạt	
339	CNTT2816	Nguyễn Thị Ngọc	22/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG012476	CNTT/22/2860	Đạt	
340	CNTT2817	Nguyễn Thị Bích Ngọc	09/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG012477	CNTT/22/2861	Đạt	
341	CNTT2818	Nguyễn Văn Ngọc	28/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012478	CNTT/22/2862	Đạt	
342	CNTT2820	Trần Thị Ngọc	04/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012479	CNTT/22/2863	Đạt	
343	CNTT2821	Lăng Thị Nguyên	01/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012480	CNTT/22/2864	Đạt	
344	CNTT2822	Nguyễn Đức Nguyên	10/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012481	CNTT/22/2865	Đạt	
345	CNTT2823	Nguyễn Xuân Nguyên	03/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012482	CNTT/22/2866	Đạt	
346	CNTT2824	Hà Thị Ánh Nguyệt	04/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG012483	CNTT/22/2867	Đạt	
347	CNTT2825	Nguyễn Thị Nhài	05/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG012484	CNTT/22/2868	Đạt	
348	CNTT2826	Dương Thế Nhất	06/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012485	CNTT/22/2869	Đạt	
349	CNTT2827	Lương Văn Nhất	20/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG012486	CNTT/22/2870	Đạt	
350	CNTT2828	Nguyễn Thị Yên Nhi	07/03/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG012487	CNTT/22/2871	Đạt	
351	CNTT2829	Nguyễn Yên Nhi	22/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012488	CNTT/22/2872	Đạt	
352	CNTT2830	Hà Thị Nhung	08/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG012489	CNTT/22/2873	Đạt	
353	CNTT2831	Lâm Thị Nhung	26/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG012490	CNTT/22/2874	Đạt	
354	CNTT2832	Lê Thị Hồng Nhung	22/03/1990	Bắc Giang	Nữ	8,7	5,5	DBG012491	CNTT/22/2875	Đạt	
355	CNTT2833	Nguyễn Thị Quế Như	03/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012492	CNTT/22/2876	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
356	CNTT2834	Vũ Thị Kim	Oanh	01/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG012493	CNTT/22/2877	Đạt	
357	CNTT2835	Nguyễn Đình	Phiêu	21/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012494	CNTT/22/2878	Đạt	
358	CNTT2836	Hoàng Văn	Phong	12/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012495	CNTT/22/2879	Đạt	
359	CNTT2837	Nguyễn Văn	Phong	11/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012496	CNTT/22/2880	Đạt	
360	CNTT2838	Phạm Đình	Phong	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012497	CNTT/22/2881	Đạt	
361	CNTT2839	Thân Trọng	Phú	17/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012498	CNTT/22/2882	Đạt	
362	CNTT2840	Nguyễn Văn	Phúc	29/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012499	CNTT/22/2883	Đạt	
363	CNTT2841	Nguyễn Văn	Phúc	26/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012500	CNTT/22/2884	Đạt	
364	CNTT2842	Triệu Văn	Phúc	28/03/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012501	CNTT/22/2885	Đạt	
365	CNTT2843	Đỗ Hoàng	Phương	10/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012502	CNTT/22/2886	Đạt	
366	CNTT2844	Hà Thị	Phương	03/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG012503	CNTT/22/2887	Đạt	
367	CNTT2845	Nguyễn Minh	Phương	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012504	CNTT/22/2888	Đạt	
368	CNTT2846	Nguyễn Thị	Phương	01/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	7,0	DBG012505	CNTT/22/2889	Đạt	
369	CNTT2847	Nguyễn Vũ Hoàng	Phương	14/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG012506	CNTT/22/2890	Đạt	
370	CNTT2848	Trần Minh	Phương	14/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012507	CNTT/22/2891	Đạt	
371	CNTT2849	Nguyễn Duy	Quang	05/10/2005	Bắc Ninh	Nam	8,0	5,5	DBG012508	CNTT/22/2892	Đạt	
372	CNTT2850	Phạm Đăng	Quang	08/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	8,5	DBG012509	CNTT/22/2893	Đạt	
373	CNTT2851	Thân Hoàng Thanh	Quang	27/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG012510	CNTT/22/2894	Đạt	
374	CNTT2852	Hoàng Đức	Quân	18/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012511	CNTT/22/2895	Đạt	
375	CNTT2853	Nguyễn Anh	Quân	03/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	DBG012512	CNTT/22/2896	Đạt	
376	CNTT2854	Nguyễn Hồng	Quân	12/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG012513	CNTT/22/2897	Đạt	
377	CNTT2855	Nguyễn Văn	Quân	09/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,5	DBG012514	CNTT/22/2898	Đạt	
378	CNTT2856	Phạm Văn	Quân	31/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012515	CNTT/22/2899	Đạt	
379	CNTT2857	Trần Minh	Quân	16/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012516	CNTT/22/2900	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
380	CNTT2858	Trần Văn Quân	16/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG012517	CNTT/22/2901	Đạt	
381	CNTT2859	Trương Minh Quân	01/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG012518	CNTT/22/2902	Đạt	
382	CNTT2860	Phạm Nguyễn Việt Quốc	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012519	CNTT/22/2903	Đạt	
383	CNTT2861	Hoàng Văn Quý	13/08/2004	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012520	CNTT/22/2904	Đạt	
384	CNTT2862	Mã Văn Quý	13/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG012521	CNTT/22/2905	Đạt	
385	CNTT2863	Ngô Hoàng Quý	03/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	DBG012522	CNTT/22/2906	Đạt	
386	CNTT2864	Nguyễn Văn Quý	04/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,5	DBG012523	CNTT/22/2907	Đạt	
387	CNTT2865	Tạ Văn Quý	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012524	CNTT/22/2908	Đạt	
388	CNTT2866	Thân Phú Quý	08/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012525	CNTT/22/2909	Đạt	
389	CNTT2867	Thị Văn Quyên	07/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012526	CNTT/22/2910	Đạt	
390	CNTT2869	Nguyễn Hữu Quyền	03/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012527	CNTT/22/2911	Đạt	
391	CNTT2870	Vũ Sĩ Quyền	05/09/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012528	CNTT/22/2912	Đạt	
392	CNTT2871	Đào Thị Như Quỳnh	11/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG012529	CNTT/22/2913	Đạt	
393	CNTT2872	Hoàng Văn Quỳnh	15/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012530	CNTT/22/2914	Đạt	
394	CNTT2873	Lê Thế Quỳnh	24/04/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012531	CNTT/22/2915	Đạt	
395	CNTT2874	Đỗ Quang Sản	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	DBG012532	CNTT/22/2916	Đạt	
396	CNTT2875	Hà Mạnh Sang	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012533	CNTT/22/2917	Đạt	
397	CNTT2876	Dương Minh Sáng	19/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG012534	CNTT/22/2918	Đạt	
398	CNTT2877	Đỗ Văn Sơn	26/10/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	7,0	DBG012535	CNTT/22/2919	Đạt	
399	CNTT2878	Đoàn Ngọc Sơn	18/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012536	CNTT/22/2920	Đạt	
400	CNTT2879	Dương Thế Sơn	27/09/2005	TP Hồ Chí Minh	Nam	6,5	6,0	DBG012537	CNTT/22/2921	Đạt	
401	CNTT2880	Huỳnh Nam Sơn	06/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012538	CNTT/22/2922	Đạt	
402	CNTT2881	Lưu Văn Sơn	22/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012539	CNTT/22/2923	Đạt	
403	CNTT2882	Thân Ngọc Sơn	02/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012540	CNTT/22/2924	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
404	CNTT2883	Ngô Quang	Sỹ	27/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	DBG012541	CNTT/22/2925	Đạt	
405	CNTT2884	Nguyễn Văn	Sỹ	12/12/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	DBG012542	CNTT/22/2926	Đạt	
406	CNTT2885	Ngô Hoàng	Tám	31/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	7,5	DBG012543	CNTT/22/2927	Đạt	
407	CNTT2886	Hoàng Thị	Tâm	07/08/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,5	DBG012544	CNTT/22/2928	Đạt	
408	CNTT2887	Vì Thị	Tâm	31/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG012545	CNTT/22/2929	Đạt	
409	CNTT2888	Dương Văn	Tân	08/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012546	CNTT/22/2930	Đạt	
410	CNTT2889	Nguyễn Duy	Thái	06/06/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012547	CNTT/22/2931	Đạt	
411	CNTT2890	Nguyễn Minh	Thái	10/05/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	7,5	DBG012548	CNTT/22/2932	Đạt	
412	CNTT2891	Vì Văn	Thái	21/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012549	CNTT/22/2933	Đạt	
413	CNTT2892	Đỗ Thị	Thanh	14/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	DBG012550	CNTT/22/2934	Đạt	
414	CNTT2893	Đoàn Văn	Thanh	15/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012551	CNTT/22/2935	Đạt	
415	CNTT2894	Hà Văn	Thanh	19/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012552	CNTT/22/2936	Đạt	
416	CNTT2895	Nguyễn Đức	Thanh	23/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,0	DBG012553	CNTT/22/2937	Đạt	
417	CNTT2896	Trương Văn	Thanh	21/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG012554	CNTT/22/2938	Đạt	
418	CNTT2897	Dương Thế	Thành	22/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012555	CNTT/22/2939	Đạt	
419	CNTT2898	Nguyễn Tất	Thành	29/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012556	CNTT/22/2940	Đạt	
420	CNTT2899	Phan Văn	Thành	28/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012557	CNTT/22/2941	Đạt	
421	CNTT2900	Nguyễn Thị	Thao	06/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	DBG012558	CNTT/22/2942	Đạt	
422	CNTT2901	Hoàng Thị Út	Thảo	09/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG012559	CNTT/22/2943	Đạt	
423	CNTT2902	Lê Thị	Thảo	23/04/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG012560	CNTT/22/2944	Đạt	
424	CNTT2903	Nguyễn Thị	Thảo	14/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	DBG012561	CNTT/22/2945	Đạt	
425	CNTT2904	Nguyễn Thị Phương	Thảo	28/02/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	DBG012562	CNTT/22/2946	Đạt	
426	CNTT2905	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	23/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	DBG012563	CNTT/22/2947	Đạt	
427	CNTT2906	Vũ Thị	Thảo	17/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG012564	CNTT/22/2948	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
428	CNTT2907	Vũ Thị Phương	Thảo	19/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG012565	CNTT/22/2949	Đạt	
429	CNTT2908	Nguyễn Xuân	Thăng	05/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG012566	CNTT/22/2950	Đạt	
430	CNTT2909	Dương Văn	Thắng	11/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG012567	CNTT/22/2951	Đạt	
431	CNTT2910	Hà Đăng	Thắng	20/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012568	CNTT/22/2952	Đạt	
432	CNTT2911	Hoàng Tiến	Thắng	04/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012569	CNTT/22/2953	Đạt	
433	CNTT2912	Nguyễn Mạnh	Thắng	21/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012570	CNTT/22/2954	Đạt	
434	CNTT2913	Nguyễn Ngọc	Thắng	03/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,0	DBG012571	CNTT/22/2955	Đạt	
435	CNTT2914	Nguyễn Văn	Thắng	01/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	8,5	DBG012572	CNTT/22/2956	Đạt	
436	CNTT2915	Thân Văn	Thắng	09/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012573	CNTT/22/2957	Đạt	
437	CNTT2916	Trần Danh	Thắng	20/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,0	DBG012574	CNTT/22/2958	Đạt	
438	CNTT2917	Trương Quang	Thắng	24/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012575	CNTT/22/2959	Đạt	
439	CNTT2917A	Hà Văn	Thế	08/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	DBG012576	CNTT/22/2960	Đạt	
440	CNTT2918	Chu Văn	Thiện	30/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012577	CNTT/22/2961	Đạt	
441	CNTT2919	Hoàng Mạnh	Thịnh	19/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012578	CNTT/22/2962	Đạt	
442	CNTT2920	Hà Thị Anh	Thơ	12/06/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,5	DBG012579	CNTT/22/2963	Đạt	
443	CNTT2921	Dương Minh	Thu	23/11/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	7,0	DBG012580	CNTT/22/2964	Đạt	
444	CNTT2922	Ngô Thị	Thu	29/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012581	CNTT/22/2965	Đạt	
445	CNTT2923	Thân Văn	Thu	17/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	7,0	DBG012582	CNTT/22/2966	Đạt	
446	CNTT2924	Giáp Văn	Thụ	20/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012583	CNTT/22/2967	Đạt	
447	CNTT2925	Đỗ Thị	Thuận	02/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	DBG012584	CNTT/22/2968	Đạt	
448	CNTT2926	Nguyễn Văn	Thuật	01/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012585	CNTT/22/2969	Đạt	
449	CNTT2927	Chu Thị Thanh	Thúy	21/10/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	7,0	DBG012586	CNTT/22/2970	Đạt	
450	CNTT2928	Hoàng Thị	Thúy	04/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,5	DBG012587	CNTT/22/2971	Đạt	
451	CNTT2929	Nguyễn Thanh	Thúy	12/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012588	CNTT/22/2972	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
452	CNTT2930	Nguyễn Thị Thúy	09/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	DBG012589	CNTT/22/2973	Đạt	
453	CNTT2931	Trần Thị Thanh Thúy	08/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG012590	CNTT/22/2974	Đạt	
454	CNTT2932	Giáp Thị Thùy	22/10/1988	Bắc Giang	Nữ	8,5	8,5	DBG012591	CNTT/22/2975	Đạt	
455	CNTT2933	Trần Thị Minh Thuỳ	26/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012592	CNTT/22/2976	Đạt	
456	CNTT2934	Lê Thị Lê Thuỷ	08/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,5	DBG012593	CNTT/22/2977	Đạt	
457	CNTT2935	Nguyễn Thanh Thư	08/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012594	CNTT/22/2978	Đạt	
458	CNTT2936	Đặng Sỹ Vũ Thương	03/11/2004	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012595	CNTT/22/2979	Đạt	
459	CNTT2937	Nguyễn Hoài Thương	10/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	DBG012596	CNTT/22/2980	Đạt	
460	CNTT2938	Dương Đức Thường	23/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012597	CNTT/22/2981	Đạt	
461	CNTT2939	Nghiều Thị Thượng	02/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	DBG012598	CNTT/22/2982	Đạt	
462	CNTT2939A	Hà Văn Tiến	14/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012599	CNTT/22/2983	Đạt	
463	CNTT2940	Hoàng Văn Tiến	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG012600	CNTT/22/2984	Đạt	
464	CNTT2941	Lại Ngọc Tiến	29/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012601	CNTT/22/2985	Đạt	
465	CNTT2942	Ngô Anh Tiến	23/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	DBG012602	CNTT/22/2986	Đạt	
466	CNTT2943	Ngô Minh Tiến	30/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012603	CNTT/22/2987	Đạt	
467	CNTT2944	Nguyễn Xuân Tiến	05/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	DBG012604	CNTT/22/2988	Đạt	
468	CNTT2945	Trương Cảnh Tiến	19/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG012605	CNTT/22/2989	Đạt	
469	CNTT2946	Nguyễn Văn Tiệp	07/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	7,0	DBG012606	CNTT/22/2990	Đạt	
470	CNTT2947	Nguyễn Thị Toan	16/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	DBG012607	CNTT/22/2991	Đạt	
471	CNTT2948	Trần Đức Toán	16/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012608	CNTT/22/2992	Đạt	
472	CNTT2949	Dương Văn Toàn	19/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012609	CNTT/22/2993	Đạt	
473	CNTT2950	Giáp Quang Toàn	24/12/2005	Bắc Giang	Nam	8,2	5,5	DBG012610	CNTT/22/2994	Đạt	
474	CNTT2951	Nguyễn Văn Toàn	25/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012611	CNTT/22/2995	Đạt	
475	CNTT2952	Nguyễn Văn Toàn	06/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	DBG012612	CNTT/22/2996	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
476	CNTT2953	Nguyễn Đình An Tôn	22/01/2005	Bắc Ninh	Nam	7,5	6,0	DBG012613	CNTT/22/2997	Đạt	
477	CNTT2954	Đặng Thu Trang	02/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	DBG012614	CNTT/22/2998	Đạt	
478	CNTT2955	Đào Thị Ninh Trang	07/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012615	CNTT/22/2999	Đạt	
479	CNTT2956	Hoàng Thị Quỳnh Trang	30/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG012616	CNTT/22/3000	Đạt	
480	CNTT2957	Lê Thị Thu Trang	30/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	8,0	DBG012617	CNTT/22/3001	Đạt	
481	CNTT2958	Nguy Thu Trang	11/01/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,5	DBG012618	CNTT/22/3002	Đạt	
482	CNTT2959	Nguyễn Thị Trang	17/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	DBG012619	CNTT/22/3003	Đạt	
483	CNTT2960	Nguyễn Thị Đoan Trang	05/08/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,5	DBG012620	CNTT/22/3004	Đạt	
484	CNTT2961	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012621	CNTT/22/3005	Đạt	
485	CNTT2962	Nguyễn Thị Thuỳ Trang	19/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	DBG012622	CNTT/22/3006	Đạt	
486	CNTT2963	Nguyễn Thu Trang	08/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,5	DBG012623	CNTT/22/3007	Đạt	
487	CNTT2964	Nguyễn Thu Trang	06/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	DBG012624	CNTT/22/3008	Đạt	
488	CNTT2965	Nguyễn Thu Trang	13/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG012625	CNTT/22/3009	Đạt	
489	CNTT2966	Nguyễn Thu Trang	12/05/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	8,0	DBG012626	CNTT/22/3010	Đạt	
490	CNTT2967	Nguyễn Thùy Trang	05/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	8,0	DBG012627	CNTT/22/3011	Đạt	
491	CNTT2968	Trần Thị Thuỳ Trang	13/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012628	CNTT/22/3012	Đạt	
492	CNTT2969	Phạm Văn Trí	17/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012629	CNTT/22/3013	Đạt	
493	CNTT2970	Dương Văn Trọng	29/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012630	CNTT/22/3014	Đạt	
494	CNTT2971	Hoàng Văn Trọng	14/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012631	CNTT/22/3015	Đạt	
495	CNTT2972	Lý Đức Trọng	26/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012632	CNTT/22/3016	Đạt	
496	CNTT2973	Nguyễn Văn Trọng	01/05/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	8,0	DBG012633	CNTT/22/3017	Đạt	
497	CNTT2974	Phạm Đình Trọng	11/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012634	CNTT/22/3018	Đạt	
498	CNTT2975	Nguyễn Thanh Trúc	08/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	DBG012635	CNTT/22/3019	Đạt	
499	CNTT2976	Triệu Thị Trúc	28/12/2004	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	DBG012636	CNTT/22/3020	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
500	CNTT2977	Vi Quang	Trung	14/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	DBG012637	CNTT/22/3021	Đạt	
501	CNTT2978	Bùi Văn	Trường	01/01/2004	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012638	CNTT/22/3022	Đạt	
502	CNTT2979	Đỗ Quang	Trường	14/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012639	CNTT/22/3023	Đạt	
503	CNTT2980	Dương Văn	Trường	08/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG012640	CNTT/22/3024	Đạt	
504	CNTT2981	Hà Nhật	Trường	20/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012641	CNTT/22/3025	Đạt	
505	CNTT2982	Hà Xuân	Trường	23/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012642	CNTT/22/3026	Đạt	
506	CNTT2983	Lương Quang	Trường	03/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	DBG012643	CNTT/22/3027	Đạt	
507	CNTT2984	Phạm Văn	Trường	24/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012644	CNTT/22/3028	Đạt	
508	CNTT2985	Phạm Văn	Trường	12/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012645	CNTT/22/3029	Đạt	
509	CNTT2986	Vũ Văn	Trường	25/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,5	DBG012646	CNTT/22/3030	Đạt	
510	CNTT2987	Đào Văn	Tú	28/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012647	CNTT/22/3031	Đạt	
511	CNTT2988	Ngô Hồng Anh	Tú	16/12/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012648	CNTT/22/3032	Đạt	
512	CNTT2989	Nguyễn Đình	Tú	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012649	CNTT/22/3033	Đạt	
513	CNTT2990	Nguyễn Thị	Tú	14/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG012650	CNTT/22/3034	Đạt	
514	CNTT2991	Nguyễn Văn	Tú	23/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012651	CNTT/22/3035	Đạt	
515	CNTT2992	Phan Văn	Tú	22/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	DBG012652	CNTT/22/3036	Đạt	
516	CNTT2993	Đỗ Trọng	Tuân	03/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	DBG012653	CNTT/22/3037	Đạt	
517	CNTT2994	Đỗ Văn	Tuấn	08/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012654	CNTT/22/3038	Đạt	
518	CNTT2995	Hà Đình	Tuấn	14/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012655	CNTT/22/3039	Đạt	
519	CNTT2996	Lương Sỹ	Tuấn	27/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG012656	CNTT/22/3040	Đạt	
520	CNTT2997	Mai Anh	Tuấn	26/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	DBG012657	CNTT/22/3041	Đạt	
521	CNTT2999	Nguyễn Đức	Tuấn	15/09/2005	Bắc Giang	Nam	8,2	7,0	DBG012658	CNTT/22/3042	Đạt	
522	CNTT3000	Nguyễn Văn	Tuấn	14/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012659	CNTT/22/3043	Đạt	
523	CNTT3001	Phạm Anh	Tuấn	14/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	DBG012660	CNTT/22/3044	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
524	CNTT3002	Phạm Anh	Tuấn	09/03/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,5	DBG012661	CNTT/22/3045	Đạt	
525	CNTT3003	Phạm Văn	Tuấn	12/02/2004	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG012662	CNTT/22/3046	Đạt	
526	CNTT3004	Hà Văn	Tùng	21/10/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	5,5	DBG012663	CNTT/22/3047	Đạt	
527	CNTT3005	Nguyễn Anh	Tùng	21/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	7,0	DBG012664	CNTT/22/3048	Đạt	
528	CNTT3007	Trần Văn	Tùng	27/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	DBG012665	CNTT/22/3049	Đạt	
529	CNTT3008	Dương Mạnh	Tuyên	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	DBG012666	CNTT/22/3050	Đạt	
530	CNTT3009	Vũ Duy	Tuyên	14/12/2003	Bắc Giang	Nam	8,2	6,5	DBG012667	CNTT/22/3051	Đạt	
531	CNTT3010	Đỗ Trung	Tuyển	10/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012668	CNTT/22/3052	Đạt	
532	CNTT3011	Đỗ Xuân	Tuyển	06/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	DBG012669	CNTT/22/3053	Đạt	
533	CNTT3012	Giáp Thị Kim	Tuyển	25/03/2005	Bắc Giang	Nữ	7,7	7,0	DBG012670	CNTT/22/3054	Đạt	
534	CNTT3013	Nguyễn Thị	Tuyển	13/10/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	5,5	DBG012671	CNTT/22/3055	Đạt	
535	CNTT3014	Lưu Công	Tuyền	19/05/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG012672	CNTT/22/3056	Đạt	
536	CNTT3015	Nguyễn Thanh	Tuyết	06/12/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,5	DBG012673	CNTT/22/3057	Đạt	
537	CNTT3016	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	28/02/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	DBG012674	CNTT/22/3058	Đạt	
538	CNTT3017	Giáp Thị Hồng	Tươi	27/01/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	5,5	DBG012675	CNTT/22/3059	Đạt	
539	CNTT3018	Nguyễn Thị Thanh	Tươi	25/01/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,0	DBG012676	CNTT/22/3060	Đạt	
540	CNTT3019	Phạm Tú	Uyên	28/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	DBG012677	CNTT/22/3061	Đạt	
541	CNTT3020	Vũ Quỳnh	Uyên	05/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	DBG012678	CNTT/22/3062	Đạt	
542	CNTT3021	Giáp Thị Thảo	Vân	04/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	DBG012679	CNTT/22/3063	Đạt	
543	CNTT3022	Nguyễn Thị	Vân	15/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	DBG012680	CNTT/22/3064	Đạt	
544	CNTT3023	Nguyễn Thị	Vân	13/11/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	7,0	DBG012681	CNTT/22/3065	Đạt	
545	CNTT3024	Nguyễn Thị	Vân	23/05/1990	Hà Nam	Nữ	8,7	8,5	DBG012682	CNTT/22/3066	Đạt	
546	CNTT3025	Nguyễn Thị Thảo	Vân	13/09/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG012683	CNTT/22/3067	Đạt	
547	CNTT3026	Cao Chí	Vĩ	02/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	5,5	DBG012684	CNTT/22/3068	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
548	CNTT3027	Nguyễn Văn	Viện	14/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	DBG012685	CNTT/22/3069	Đạt	
549	CNTT3028	Hoàng Duy	Việt	10/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	DBG012686	CNTT/22/3070	Đạt	
550	CNTT3029	Hoàng Văn	Việt	04/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012687	CNTT/22/3071	Đạt	
551	CNTT3030	Nguyễn Đức	Việt	25/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	DBG012688	CNTT/22/3072	Đạt	
552	CNTT3031	Nguyễn Văn	Việt	09/07/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,0	DBG012689	CNTT/22/3073	Đạt	
553	CNTT3032	Nguyễn Văn	Việt	07/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012690	CNTT/22/3074	Đạt	
554	CNTT3032A	Đinh Thị	Trang	09/10/1996	Bắc Giang	Nữ	8,5	8,5	DBG012691	CNTT/22/3075	Đạt	
555	CNTT3033	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	14/08/1999	Bắc Giang	Nữ	8,7	9,0	DBG012692	CNTT/22/3076	Đạt	
556	CNTT3034	Tăng Văn	Việt	19/10/2005	Bắc Giang	Nam	8,0	6,0	DBG012693	CNTT/22/3077	Đạt	
557	CNTT3035	Lương Quang	Vinh	28/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	DBG012694	CNTT/22/3078	Đạt	
558	CNTT3036	Nguyễn Thành	Vinh	28/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012695	CNTT/22/3079	Đạt	
559	CNTT3037	Giáp Quốc	Vũ	09/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	DBG012696	CNTT/22/3080	Đạt	
560	CNTT3038	Hoàng Văn	Vũ	14/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	DBG012697	CNTT/22/3081	Đạt	
561	CNTT3039	Lê Minh	Vũ	16/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	DBG012698	CNTT/22/3082	Đạt	
562	CNTT3040	Nguyễn Cao Nguyên Vũ		11/09/2005	Lâm Đồng	Nam	6,2	7,0	DBG012699	CNTT/22/3083	Đạt	
563	CNTT3041	Nguyễn Huy	Vũ	21/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012700	CNTT/22/3084	Đạt	
564	CNTT3042	Phạm Tuấn	Vũ	09/10/1989	Bắc Giang	Nam	8,2	8,5	DBG012701	CNTT/22/3085	Đạt	
565	CNTT3043	Phan Anh	Vũ	24/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	DBG012702	CNTT/22/3086	Đạt	
566	CNTT3044	Tạ Văn	Vũ	23/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	DBG012703	CNTT/22/3087	Đạt	
567	CNTT3045	Hứa Thị	Vui	31/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	6,0	DBG012704	CNTT/22/3088	Đạt	
568	CNTT3046	Nguyễn Văn	Vương	26/01/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	DBG012705	CNTT/22/3089	Đạt	
569	CNTT3047	Lăng Thị	Xuân	30/07/2004	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	DBG012706	CNTT/22/3090	Đạt	
570	CNTT3048	Ngô Thị Thanh	Xuân	12/12/2005	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,5	DBG012707	CNTT/22/3091	Đạt	
571	CNTT3049	Nguyễn Thị	Xuân	03/01/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,5	DBG012708	CNTT/22/3092	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành				
572	CNTT3050	Trịnh Thanh Xuân	16/02/2005	Bình Dương	Nữ	6,2	6,0	DBG012709	CNTT/22/3093	Đạt	
573	CNTT3051	Hà Văn Ý	29/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	DBG012710	CNTT/22/3094	Đạt	
574	CNTT3052	Nguyễn Thị Yên	04/02/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	7,0	DBG012711	CNTT/22/3095	Đạt	
575	CNTT3053	Ngô Thu Yến	26/08/2005	Hải Phòng	Nữ	6,7	5,5	DBG012712	CNTT/22/3096	Đạt	
576	CNTT3054	Nguyễn Thị Hải Yến	15/11/2005	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,0	DBG012713	CNTT/22/3097	Đạt	
577	CNTT3055	Nguyễn Thị Hải Yến	23/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	DBG012714	CNTT/22/3098	Đạt	

Danh sách có 577 thí sinh./.